TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 15/2017/DS-ST Ngày: 05/6/2017 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Phan Văn Tạo

2/. Ông Đỗ Ngọc Cận

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22/5/2017 và 05/6/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 180/2016/TLST-DS ngày 22/12/2016 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2017/QĐST-DS ngày 10/4/2017 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị T**, địa chỉ: Đường N, khóm B, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Ông Nguyễn Minh Đ**, địa chỉ: Đường N, khóm B, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2/. Bị đơn:

- **Bà Lâm Ngọc Th**, địa chỉ: Đường B, khóm H, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Ông Huỳnh Sài L**, địa chỉ: Đường B, khóm H, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3/. Người làm chứng: **Ông Trịnh Thanh L**, địa chỉ: Đường N, khóm B, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2016, văn bản ngày 10/02/2017 của bà Nguyễn Thị T và lời trình bày của ông Nguyễn Minh Đ tại phiên toà thì:

Vào ngày 08/10/2009, vợ chồng bà Lâm Ngọc Th, ông Huỳnh Sài L có vay của bà Nguyễn Thị T 20.000.000 đồng, đến ngày 17/10/2009 vay thêm 10.000.000 đồng đều với lãi suất 0,5%/tháng và không xác định thời hạn. Khi vay tiền thì bà Th có làm biên nhận và việc giao nhận tiền được thực hiện tại nhà của bà T.

Do từ lúc vay tiền đến nay, bà Th, ông L không trả vốn lãi theo thỏa thuận nên bà T yêu cầu bà Th, ông L liên đới trả cho bà số tiền vốn còn nợ là 30.000.000 đồng; tiền lãi của số tiền 20.000.000 đồng vốn từ ngày 08/11/2009 đến ngày 08/11/2016 là 20.000.000 đồng x 1,125% x 83 tháng = 19.125.000 đồng và tiền lãi của số tiền 10.000.000 đồng vốn tính từ ngày 17/11/2009 đến ngày 17/11/2016 là 10.000.000 đồng x 1,125% x 83 tháng = 9.562.500 đồng; tổng cộng vốn lãi là 58.687.500 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà T đã cung cấp bản chính Giấy nhận tiền ngày 08/7/2009 và bản sao Giấy nhận tiền ngày 17/10/2009; bà T không cung cấp được bản chính Giấy nhận tiền ngày 17/10/2009 nhưng cho rằng các chữ viết, ký tên và ghi các con số trong 02 tài liệu này hoàn toàn giống nhau. Đồng thời vào năm 2012, do bà Th ông L không trả nợ và bà Th không có mặt tại địa phương, bà T có lấy 02 sạp bán thịt heo của ông L và con gái tại chợ lớn Sóc Trăng để đòi tiền, sự việc được Công an Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Từ đó bà T đề nghị Tòa án chấp nhận bản sao Giấy nhận tiền ngày 17/10/2009 là chứng cứ và xác định bà Th, ông L còn nợ bà T 30.000.000 đồng.

- Theo lời trình bày của bà Lâm Ngọc Th tại phiên tòa thì:

Vào ngày 08/10/2009, bà Th có làm Giấy nhận tiền để vay 20.000.000 đồng của bà T làm vốn mua bán, trả góp mỗi ngày 800.000 đồng trong 30 ngày, tương đương với lãi suất 20%/tháng. Khoản nợ này bà Th đã trả được một phần vốn lãi cho bà T, đến ngày 16/3/2011 thì chồng bà là ông Huỳnh Sài L đã trả hết vốn lãi còn nợ là 11.000.000 đồng cho bà T; việc giao nhận tiền có ông Trịnh Thanh L chứng kiến.

Còn khoản tiền 10.000.000 đồng theo bản sao Giấy nhận tiền ngày 17/10/2009 thì bà Th cho rằng không có vay của bà T nên không đồng ý trả theo yêu cầu của bà T.

- Theo lời trình bày của ông Huỳnh Sài L tại văn bản ngày 06/01/2017, ngày 09/3/2017 và tại phiên tòa thì:

Ông L thống nhất với lời trình bày của vợ là bà Th. Nếu bà Th còn nợ tiền bà T thì yêu cầu bà Th tự trả, vì ông L không biết việc bà Th vay tiền của bà T.

- Theo lời trình bày của ông Trịnh Thanh L tại văn bản ngày 24/02/2017 và tại phiên tòa thì:

Vào ngày 15/3/2011, ông Trịnh Thanh L có giới thiệu bà Th (Ê), ông L vay 150.000.000 đồng của bà Lê Thị V (mẹ ruột ông Trịnh Thanh L) để làm ăn,

trả nợ. Đến chiều ngày 16/3/2011, khi ông Trịnh Thanh L và ông L chuẩn bị uống rượu tại nhà của ông L thì bà T cùng chồng có đến nhà bà Th, ông L để nhận tiền. Trước khi bà Th, ông L trả tiền cho vợ chồng bà T thì ông L có yêu cầu bà T tính toàn bộ số tiền mà bà Th còn nợ để ông L trả hết một lần. Sau đó bà Th, ông L giao tiền cho vợ chồng bà T và ông L còn yêu cầu bà Tkhông được tiếp tục cho bà Th vay tiền. Nhưng ông Trịnh Thanh L không rõ bà Th, ông L trả cho vợ chồng bà T bao nhiêu tiền hoặc trả tiền của biên nhận hay khoản nợ nào.

- Theo kết quả xác minh ngày 23/5/2017 của Tòa án tại Công an Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thì vào năm 2012 con của bà Th, ông L trình báo việc bà T đến phá sạp thịt để đòi nợ bà Th, ông Lỹ. Nhưng việc bà Th, ông L có vay tiền của bà T hay không thì Công an Phường B không rõ và hồ sơ giải quyết sự việc thì cơ quan này không còn lưu giữ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền vốn lãi còn nợ là 32.600.000 đồng theo Giấy nhận tiền ngày 08/10/2009 cho nguyên đơn; riêng số tiền vốn lãi mà nguyên đơn yêu cầu theo bản sao Giấy nhận tiền ngày 17/10/2009 thì không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị T và bà Lâm Ngọc Th, ông Huỳnh Sài L đều thừa nhận bà Th có vay của bà Nguyễn Thị T 20.000.000 đồng để làm vốn mua bán theo Giấy nhận tiền ngày 08/10/2009. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"* nên Hội đồng xét xử xác định tình tiết này là có thật.

[2] Khoản tiền trên bà Th cho rằng đã trả cho bà T được một phần vốn lãi, đến ngày 16/3/2011 thì ông L đã trả hết vốn lãi còn lại là 11.000.000 đồng cho bà T nhưng không được phía bà T thừa nhận. Nhưng bà Th, ông L không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh có việc trả tiền trước ngày 16/3/2011, riêng việc trả tiền vào ngày này tuy được ông Trịnh Thanh L chứng kiến, nhưng ông Trịnh Thanh L không xác định được số tiền ông L đã trả cho bà T là bao nhiêu và của biên nhận hoặc khoản nợ nào.

Tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"* và *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải*

quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc" nên không đủ cơ sở xác định bà Th, ông L đã trả xong 20.000.000 đồng theo Giấy nhận tiền ngày 08/10/2009 cho bà T.

[3] Theo thừa nhận của ông L và kết quả xác minh tại Công an Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thì vào năm 2012 bà T có dọn sạp thịt heo của con gái bà Th, ông L đang bán tại chợ lớn Sóc Trăng để đòi tiền bà Th, ông L còn nợ. Theo quy định về thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…."* nên việc bà T khởi kiện yêu cầu bà Th trả lại số tiền 20.000.000 đồng còn nợ theo Giấy nhận tiền ngày 08/10/2009 là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi của số tiền nêu trên, bà Th ông L cho rằng lãi suất 02 bên thỏa thuận theo Giấy nhận tiền ngày 08/10/2009 là 20%/tháng, còn phía bà T là 0,5%/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung lãi suất trong bản chính Giấy nhận tiền ngày 08/10/2009 có dấu hiệu sửa chữa tại vị trí dấu "**,**" (phẩy) giữa số "0" và số "5", nhưng bà Th ông L không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định nên không đủ căn cứ xác định mức lãi suất mà 02 bên đã thỏa thuận. Theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì "*Trong trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*" và theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước thì mức lãi suất cơ bản hiện nay là 9%/năm, tức 0,75%/tháng.

Vì vậy, việc bà T yêu cầu bà Th trả lãi của số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 1,125%/tháng được chấp nhận một phần như sau: Từ ngày 08/11/2009 đến ngày 08/11/2016 là 84 tháng: 20.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 84 tháng = 12.600.000 đồng. Nên số tiền lãi bà T yêu cầu không được chấp nhận là 19.125.000 đồng - 12.600.000 đồng = 6.525.000 đồng.

[5] Về trách nhiệm của ông L đối với khoản nợ trên, bà Th ông L đều thừa nhận số tiền 20.000.000 đồng mà bà Th đã vay của bà T được sử dụng vào việc mua bán chung của vợ chồng bà Th ông Lỹ. Tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng như sau *"Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này"* và theo khoản 1 Điều 25 Luật này thì *"Trong trường hợp vợ, chồng kinh doanh chung thì vợ, chồng trực tiếp tham gia quan hệ kinh doanh là người đại diện hợp pháp của nhau trong quan hệ kinh doanh đó...."* nên việc bà T yêu cầu ông L có trách nhiệm liên đới với bà Th trả số tiền nợ trên là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với số tiền 10.000.000 đồng vốn và 9.562.500 đồng lãi bà T yêu cầu bà Th, ông L hoàn trả theo bản sao Giấy nhận tiền ngày 17/10/2009, tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp*

pháp...." và theo khoản 1 Điều 95 Bộ luật này thì *"Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận"* nên tài liệu này không phải là chứng cứ. Đồng thời, bà Th, ông L cũng không thừa nhận có vay khoản tiền này nên phần yêu cầu khởi kiện này của bà T không có căn cứ chấp nhận.

[7] Các bên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí toà án như sau:

Bà Th, ông L phải chịu là 1.630.000 đồng tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận là 32.600.000 đồng.

Bà T phải chịu là 1.304.375 đồng tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 26.087.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, các khoản 1, 2, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 93, khoản 1 Điều 95, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí toà án và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

Buộc bà Lâm Ngọc Th, ông Huỳnh Sài L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vốn lãi còn nợ tổng cộng là 32.600.000 đồng, gồm 20.000.000 đồng vốn và 12.600.000 đồng lãi theo Giấy nhận tiền ngày 08/10/2009.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Lâm Ngọc Th, ông Huỳnh Sài L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Lâm Ngọc Th, ông Huỳnh Sài L trả số tiền vốn lãi tổng cộng là 19.562.500 đồng, gồm 10.000.000 đồng vốn và 9.562.500 đồng lãi theo bản sao Giấy nhận tiền ngày 17/10/2009.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Ngọc Th, ông Huỳnh Sài L phải chịu 1.630.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu là 1.304.375 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.320.300 đồng theo biên lai số 0003437 ngày 20/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền còn thừa là 15.925 đồng.

4/. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Vĩnh Khương